

LỊCH HỌC THỰC HÀNH KỲ 1 NĂM HỌC 2026-2027

Tuần 4 (Từ ngày 21 tháng 09 đến 27 tháng 09 năm 2026)

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Học phần/ Môn học	Nhóm	SL HSSV	Tiết học - Phòng học /Tổng số buổi học																		Giáo viên	Đơn vị quản lý học phần			
							Thứ 2			Thứ 3			Thứ 4			Thứ 5			Thứ 6			Thứ 7			CN				
							Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi		
1	DH	18	20261AT6024002	Mô hình hóa và mô phỏng hệ thống cơ điện tử ô tô	CL	25							1,2,3,4,5,6	416-A10	3/10													Lê Đình Đạt	KCKDL
2	DH	18	20261AT6024001	Mô hình hóa và mô phỏng hệ thống cơ điện tử ô tô	CL	25							7,8,9,10,11,12	416-A10	3/10													Lê Đình Đạt	KCKDL
3	DH	18	20261AT6078002	Thi nghiệm cơ điện tử ô tô	CL	25				1,2,3,4,5,6	416-A10	3/10																Lê Đình Đạt	KCKDL
4	DH	18	20261AT6078001	Thi nghiệm cơ điện tử ô tô	CL	25				7,8,9,10,11,12	416-A10	3/10																Lê Đình Đạt	KCKDL
5	DH	19	20261AT6023001	Mô hình hóa và mô phỏng động cơ	CL	21				1,2,3,4,5,6	501-A10	3/10																Nguyễn Phi Trường	KCKDL
6	DH	19	20261AT6023002	Mô hình hóa và mô phỏng động cơ	CL	21				7,8,9,10,11,12	516-A10	3/10																Nguyễn Phi Trường	KCKDL
7	DH	18	20261AT6052009	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25										7,8,9,10,11,12	408-A10	3/15										Ngô Quang Tào	TT. TH & DL CX
8	DH	18	20261AT6052010	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25										1,2,3,4,5,6	408-A10	3/15										Ngô Quang Tào	TT. TH & DL CX
9	DH	18	20261AT6052013	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25													7,8,9,10,11,12	408-A10	3/15							Nguyễn Thành Vinh	TT. TH & DL CX
10	DH	18	20261AT6052005	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25				7,8,9,10,11,12	404-A10	3/15																Chu Đức Hùng	TT. TH & DL CX
11	DH	18	20261AT6052007	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25							7,8,9,10,11,12	408-A10	3/15													Lê Đình Mạnh	TT. TH & DL CX
12	DH	18	20261AT6052004	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25	13,14,15,16,17	404-A10	3/15																			Bùi Văn Hải	TT. TH & DL CX
13	DH	18	20261AT6052006	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25				13,14,15,16,17	404-A10	3/15																Chu Đức Hùng	TT. TH & DL CX
14	DH	18	20261AT6052015	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25													13,14,15,16,17	408-A10	3/15							Nguyễn Thế Anh	TT. TH & DL CX
15	DH	18	20261AT6052017	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25																13,14,15,16,17	408-A10	1/3				Phạm Việt Thành	TT. TH & DL CX
16	DH	18	20261AT6052016	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25																1,2,3,4,5,6	409-A10	1/3				Chu Đức Hùng	TT. TH & DL CX
17	DH	18	20261AT6052_TA001	Automotive Diagnostic and Repair	1	25										1,2,3,4,5,6	404-A10	3/15										Nguyễn Xuân Khoa	TT. TH & DL CX
18	DH	18	20261AT6057003	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25				7,8,9,10,11,12	418-A10	3/15																Nguyễn Trung Kiên	TT. TH & DL CX
19	DH	18	20261AT6057008	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25							7,8,9,10,11,12	403-A10	3/15													Lê Hữu Chúc	TT. TH & DL CX
20	DH	18	20261AT6057009	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25							1,2,3,4,5,6	403-A10	3/15													Lê Hữu Chúc	TT. TH & DL CX
21	DH	18	20261AT6057005	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25				7,8,9,10,11,12	403-A10	3/15																Nguyễn Thành Vinh	TT. TH & DL CX
22	DH	18	20261AT6057001	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25	1,2,3,4,5,6	418-A10	3/15																			Ngô Quang Tào	TT. TH & DL CX
23	DH	18	20261AT6057006	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25				1,2,3,4,5,6	403-A10	3/15																Nguyễn Thành Vinh	TT. TH & DL CX
24	DH	18	20261AT6057010	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25							1,2,3,4,5,6	418-A10	3/15													Nguyễn Huy Chuẩn	TT. TH & DL CX
25	DH	18	20261AT6057012	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25										7,8,9,10,11,12	419-A10	3/15										Chu Đức Hùng	TT. TH & DL CX
26	DH	18	20261AT6057014	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	27													7,8,9,10,11,12	403-A10	3/15							Nguyễn Thành Bắc	TT. TH & DL CX
27	DH	18	20261AT6057016	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25																7,8,9,10,11,12	403-A10	3/15				Đoàn Công Thành	TT. TH & DL CX
28	DH	18	20261AT6057007	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25				13,14,15,16,17	419-A10	3/15																Bùi Văn Chính	TT. TH & DL CX
29	DH	18	20261AT6057013	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25										13,14,15,16,17	419-A10	3/15										Chu Đức Hùng	TT. TH & DL CX
30	DH	18	20261AT6057015	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25													13,14,15,16,17	418-A10	3/15							Lê Đình Mạnh	TT. TH & DL CX
31	DH	18	20261AT6057_TA001	Electrical Automotive Diagnostic and Repair Engineering	1	28													1,2,3,4,5,6	418-A10	3/15							Lê Hữu Chúc	TT. TH & DL CX
32	DH	18	20261AT6079001	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa hệ thống cơ điện tử ô tô	1	25													7,8,9,10,11,12	419-A10	3/10							Lê Hữu Chúc	TT. TH & DL CX
33	DH	18	20261AT6079002	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa hệ thống cơ điện tử ô tô	1	25													7,8,9,10,11,12	418-A10	3/10							Bùi Văn Chính	TT. TH & DL CX
34	DH	18	20261AT6097001	Kĩ thuật chẩn đoán và sửa chữa động cơ	1	21	7,8,9,10	412-A10	3/15																			Nguyễn Thành Vinh	TT. TH & DL CX
35	DH	18	20261AT6097001	Kĩ thuật chẩn đoán và sửa chữa động cơ	2	21				13,14,15,16	413-A10	3/15																Lê Đình Mạnh	TT. TH & DL CX
36	DH	19	20261AT6043001	Kết cấu ô tô	1	22	1,2,3,4,5,6	408-A09	3/15																			Lê Đình Mạnh	TT. TH & DL CX
37	DH	19	20261AT6043002	Kết cấu ô tô	1	22	7,8,9,10,11,12	408-A09	3/15																			Lê Đình Mạnh	TT. TH & DL CX
38	DH	19	20261AT6043003	Kết cấu ô tô	1	22	13,14,15,16,17	408-A09	3/15																			Ngô Quang Tào	TT. TH & DL CX
39	DH	19	20261AT6043004	Kết cấu ô tô	1	22				1,2,3,4,5,6	408-A10	3/15																Ngô Quang Tào	TT. TH & DL CX
40	DH	19	20261AT6043005	Kết cấu ô tô	1	22				7,8,9,10,11,12	408-A10	3/15																Đoàn Công Thành	TT. TH & DL CX
41	DH	19	20261AT6043007	Kết cấu ô tô	1	22							1,2,3,4,5,6	409-A10	3/15													Nguyễn Tuấn Nghĩa	TT. TH & DL CX
42	DH	19	20261AT6043008	Kết cấu ô tô	1	22							7,8,9,10,11,12	409-A10	3/15													Nguyễn Tuấn Nghĩa	TT. TH & DL CX
43	DH	19	20261AT6043009	Kết cấu ô tô	1	22							13,14,15,16,17	409-A10	3/15													Đoàn Công Thành	TT. TH & DL CX
44	DH	19	20261AT6043010	Kết cấu ô tô	1	22										1,2,3,4,5,6	409-A10	3/15										Nguyễn Thành Vinh	TT. TH & DL CX
45	DH	19	20261AT6043011	Kết cấu ô tô	1	22										7,8,9,10,11,12	409-A10	3/15										Nguyễn Thành Vinh	TT. TH & DL CX
46	DH	19	20261AT6043012	Kết cấu ô tô	1	22										13,14,15,16,17	409-A10	3/15										Đoàn Công Thành	TT. TH & DL CX
47	DH	19	20261AT6043013	Kết cấu ô tô	1	22													1,2,3,4,5,6	409-A10	3/15							Chu Đức Hùng	TT. TH & DL CX

48	DH	19	20261AT6043014	Kết cấu ô tô	1	22												7,8,9,10,11,12	409-A10	3/15									Chu Đức Hùng	TT. TH & DLGX					
49	DH	19	20261AT6043015	Kết cấu ô tô	1	22												13,14,15,16,17	409-A10	3/15									Nguyễn Thành Vinh	TT. TH & DLGX					
50	DH	19	20261AT6043016	Kết cấu ô tô	1	22																1,2,3,4,5,6	404-A10	3/15					Lê Hữu Ch�c	TT. TH & DLGX					
51	DH	19	20261AT6043017	Kết cấu ô tô	1	22																7,8,9,10,11,12	404-A10	3/15					Lê Hữu Ch�c	TT. TH & DLGX					
52	DH	19	20261AT6043018	Kết cấu ô tô	1	22																13,14,15,16,17	404-A10	3/15					Lê Đình Mạnh	TT. TH & DLGX					
53	DH	19	20261AT6043_TA001	Automotive Chassis Engineering	1	20							7,8,9,10,11,12	404-A10	3/15															Nguyễn Xuân Khoa	TT. TH & DLGX				
54	DH	20	20261SM6172001	Phân tích mạch điện trên ô tô	1	30	1,2,3,4,5,6	419-A10	3/10																					Nguyễn Thành Vinh	TT. TH & DLGX				
55	DH	20	20261SM6172002	Phân tích mạch điện trên ô tô	1	30												1,2,3,4,5,6	419-A10	3/10										Ngô Quang Tào	TT. TH & DLGX				
56	DH	18	20261ME6038001	Thực hành gia công tua lưn điện	1	22	1,2,3,4,5,6	101-A10	3/10																					Nguyễn Mai Anh	TT. TH & DLGX				
57	DH	18	20261ME6096001	Thực hành gia công, lắp ráp khuôn	1	25							1,2,3,4,5,6	101/102-A10	3/15															Nguyễn Văn Đức	TT. TH & DLGX				
58	DH	18	20261ME6096002	Thực hành gia công, lắp ráp khuôn	1	23							7,8,9,10,11,12	101/102-A10	3/15															Vũ Đình Toàn	TT. TH & DLGX				
59	DH	18	20261ME6113001	Thực hành CNC	1	22	1,2,3,4,5,6	102-A10	3/10																						Vũ Đình Toàn	TT. TH & DLGX			
60	DH	18	20261ME6113004	Thực hành CNC	1	24					1,2,3,4,5,6	102-A10	3/10																		Đào Ngọc Hoàng	TT. TH & DLGX			
61	DH	18	20261ME6113010	Thực hành CNC	1	22											1,2,3,4,5,6	110-A9	3/10												Trần Ngọc Tấn	TT. TH & DLGX			
62	DH	18	20261ME6113013	Thực hành CNC	1	22													1,2,3,4,5,6	110-A9	3/10										Trần Ngọc Tấn	TT. TH & DLGX			
63	DH	18	20261ME6113016	Thực hành CNC	1	22																	1,2,3,4,5,6	102-A10	3/10						Đào Ngọc Hoàng	TT. TH & DLGX			
64	DH	18	20261ME6113003	Thực hành CNC	1	24	13,14,15,16,17	102-A10	3/12																						Phạm Văn Trinh	TT. TH & DLGX			
65	DH	18	20261ME6113006	Thực hành CNC	1	22					13,14,15,16,17	101-A7	3/12																		Nguyễn Anh Thắng	TT. TH & DLGX			
66	DH	18	20261ME6113009	Thực hành CNC	1	22											13,14,15,16,17	102-A10	3/12												Vũ Đình Toàn	TT. TH & DLGX			
67	DH	18	20261ME6113012	Thực hành CNC	1	22												13,14,15,16,17	110-A9	3/12											Trần Ngọc Tấn	TT. TH & DLGX			
68	DH	18	20261ME6113002	Thực hành CNC	1	22	7,8,9,10,11,12	102-A10	3/10																						Vũ Đình Toàn	TT. TH & DLGX			
69	DH	18	20261ME6113005	Thực hành CNC	1	24					7,8,9,10,11,12	102-A10	3/10																			Vũ Đình Toàn	TT. TH & DLGX		
70	DH	18	20261ME6113008	Thực hành CNC	1	22											7,8,9,10,11,12	110-A9	3/10													Trần Ngọc Tấn	TT. TH & DLGX		
71	DH	18	20261ME6113011	Thực hành CNC	1	22												7,8,9,10,11,12	112-A7	3/10												Nguyễn Văn Đức	TT. TH & DLGX		
72	DH	18	20261ME6113014	Thực hành CNC	1	25																										Trần Ngọc Tấn	TT. TH & DLGX		
73	DH	18	20261AT6025013	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25	13,14,15,16,17	516A10	3/12																						Nguyễn Xuân Hiẻn	Khoa CNOTO			
74	DH	18	20261AT6025_TA001	Automotive Modeling and Simulation Systems	CL	28								1,2,3,4,5,6	516A10	3/10																Đỗ Văn Cường	Khoa CNOTO		
75	DH	18	20261AT6025006	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25								7, 8,9,10,11,12	516A10	3/10																Đỗ Văn Cường	Khoa CNOTO		
76	DH	18	20261AT6025007	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25											1,2,3,4,5,6	516A10	3/10													Nguyễn Xuân Hiẻn	Khoa CNOTO		
77	DH	18	20261AT6025008	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25											7, 8,9,10,11,12	516A10	2/10													Nguyễn Xuân Hiẻn	Khoa CNOTO		
78	DH	18	20261AT6025010	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25																1,2,3,4,5,6	516A10	3/10								Nguyễn Xuân Hiẻn	Khoa CNOTO		
79	DH	18	20261AT6029002	Thi nghiệm ô tô	CL	19								7,8,9,10,11,12	412A10	3/10																Nguyễn Xuân Tuấn	Khoa CNOTO		
80	DH	20	20261SM6106001	Thi nghiệm và xử lý số liệu ô tô	CL	24																1,2,3,4,5,6	404A10	3/5							Nguyễn Xuân Tuấn	Khoa CNOTO			
81	DH	18	20261AT6025004	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25					1,2,3,4,5,6	516A10	3/10																			Trịnh Đức Phong	Khoa CNOTO		
82	DH	18	20261AT6025011	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25																	1,2,3,4,5,6	516A10	3/10							Trịnh Đức Phong	Khoa CNOTO		
83	DH	18	20261AT6025012	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25																	7,8,9,10,11,12	516A10	3/10							Trịnh Đức Phong	Khoa CNOTO		
84	DH	19	20261AT6025002	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25	7,8,9,10,11,12	516A10	3/10																							Đỗ Văn Cường	Khoa CNOTO		
85	DH-KS	4	20261ME6176001	Công nghệ phủ bề mặt	1	23																							1,2,3,4,5,6	312-A10	3/5		Dương Văn Thiết	Khoa HTCN	
86	DH-KS	4	20261ME6176001	Công nghệ phủ bề mặt	2	22																							7,8,9,10,11,12	312-A10	3/5		Đỗ Ngọc Tú	Khoa HTCN	
87	DH	20	20261SM6057002	Thi nghiệm cơ sở thiết kế cơ khí	1	27												7,8,9,10,11,12	312-A10	3/3													Dương Văn Thiết	TT. TH & DLGX	
88	DH	20	20261SM6057001	Thi nghiệm cơ sở thiết kế cơ khí	1	30					7,8,9	312-A10	3/5																				Đỗ Ngọc Tú	TT. TH & DLGX	
89	DH	20	20261SM6057_EN001	Experimental Facility Design Tool	1	16								1,2,3	312-A10	3/5																	Đỗ Ngọc Tú	TT. TH & DLGX	
90	DH-KS	4	20261ME6174001	Các phương pháp gia công tiên tiến	1	21												13,14,15,16,17	101-A10	3/5													Trần Quốc Hùng	Khoa CNCK	
91	DH-KS	4	20261ME6174001	Các phương pháp gia công tiên tiến	2	21												13,14,15,16,17	101-A10	3/5													Nguyễn Thành Công	Khoa CNCK	
92	DH-KS	4	20261ME6175001	Gia công cắt gọt cao tốc	1	24																	13,14,15,16,17	110-A9	3/5							Nguyễn Duy Khánh	Khoa CNCK		
93	DH-KS	4	20261ME6172001	Hệ thống sản xuất linh hoạt FMS và tích hợp CIM	1	20																							13,14,15,16,17	503-A10	3/5			Nguyễn Văn Cảnh	Khoa CNCK